

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 22 tháng 5 năm 2024  
V/v: “Tranh chấp về  
Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đinh Thị Thu Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tâm và bà Nguyễn Thị Sâm.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu V, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu V, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị D có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1, Tại đơn khởi kiện ngày 05/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày: Chị và anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2020 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng hoà thuận hạnh phúc

được khoảng năm tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không tôn trọng nhau nên cuộc sống vợ chồng rơi vào tình trạng bế tắc trầm trọng, chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Khi vợ chồng mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không khắc phục được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị D xác nhận chị và anh H không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị D không yêu cầu giải quyết.

2, *Phía bị đơn anh Bùi Văn H:* Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt.

3, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2024 ông Bùi Văn Q (bố đẻ anh H) trình bày:* Chị D và anh H được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 28/12/2020 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị D về chung sống cùng anh H và vợ chồng ông. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Từ đầu năm 2024 chị D đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh H nữa. Nay chị D xin ly hôn ông cũng nhất trí theo nguyện vọng của chị D, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

4, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Đ ngày 02/4/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp:* Chị D và anh H được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 28/12/2020 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh chị hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Khi mâu thuẫn trầm trọng chị D đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, anh chị không ai còn quan tâm đến ai nữa. Bố mẹ hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Nay chị D xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản

1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Bùi Văn H.

Về con chung: Chị D xác nhận vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Bùi Văn H có hộ khẩu thường trú tại khu V, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị D có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh Hưng T án đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, T án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị D và anh H là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 28/12/2020 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị D cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không tôn trọng nhau nên cuộc sống vợ chồng rơi vào tình trạng bế tắc trầm trọng, chị đã cố gắng hàn gắn tình

cảm vợ chồng nhưng không được. Khi vợ chồng mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không khắc phục được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh H. Phía anh Hưng T1 án đã báo gọi nhiều lần, anh H biết rõ việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị D và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Ông Bùi Văn Q (bố đẻ anh H) xác nhận quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Từ đầu năm 2024 chị D đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh H. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của anh chị được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn trầm trọng chị D đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, anh chị không ai còn quan tâm đến ai nữa. Bố mẹ hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị D và anh H đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị D được ly hôn anh H là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị D xác nhận vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Bùi Văn H.

[2]. Về con chung: Chị D xác nhận vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị D không yêu

cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004804 ngày 05/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã Đ;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Đinh Thị Thu H1**